

Bản án số: **57/2021/DS-PT**  
Ngày 29-4-2021  
V/v “*Tranh chấp đòi lại  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***  
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Viết Hòa  
***Các Thẩm phán:*** Ông Bùi Thanh Thảo  
Ông Bùi Văn Bình

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Mã Thị G, sinh năm 1959; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)  
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.
- ***Bị đơn:*** Bà Trịnh Thị V, sinh năm: 1963; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)  
Địa chỉ: Tổ 02, Khu phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.
- ***Người làm chứng:***
  1. Ông Mã Kim B, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ 03, Khu phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)
  2. Ông Mã Hà Q, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ 03, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)
  3. Bà Mã Thị M, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 03, Khu phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)
- ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn bà Mã Thị G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Mã Thị G trình bày:***

Bà G và ông Lê Văn B1 là anh em ruột, bà Trịnh Thị V là chị dâu của bà G. Năm 1990, cha bà G là ông Mã N chết, năm 2014 mẹ bà G là bà Lê Thị H chết, trước khi chết, cha mẹ bà G có nhiều tài sản là đất đai, nhà cửa. Năm 1997, mẹ bà G chia tài sản cho 07 anh em bà G gồm: Lê Văn C (sinh năm 1952), Mã M1 (sinh năm 1955), Lê Văn B1 (sinh năm 1957, mất 2019), Mã Thị G, Mã Kim B (sinh năm 1963), Mã Hà Q (sinh năm 1964) và Mã Thị M (sinh năm 1965). Trong số tài sản của mẹ bà G chia cho các anh em có thửa đất 25.689,6m<sup>2</sup> thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V ngày 22/6/2009 (gọi tắt là thửa đất số 08). Các anh em bà G thống nhất chia thửa đất số 08 này cho bà G và ông Lê Văn B1 (chồng bà V), trong đó bà G được quyền sử dụng phần diện tích 3.000m<sup>2</sup>, phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông B1. Vì bà G và ông B1 là anh em ruột nên thống nhất để vợ chồng ông B1 đứng tên toàn bộ thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Tháng 01/2019, ông B1 chết, bà V có thỏa thuận với bà G là sẽ bán toàn bộ thửa đất số 08 nêu trên và sau khi bán thì bà V sẽ đưa cho bà G số tiền 450.000.000đồng. Việc bàn bạc này bà G có trao đổi và được anh, em trong gia đình gồm Lê Văn C, Mã M1, Mã Kim B2, Mã Kim Q, Mã Thị M họp bàn thống nhất cho bà V bán để đưa tiền cho bà G. Cũng vì là anh em trong nhà nên không viết giấy tờ gì nhưng có anh em trong gia đình của bà G làm chứng. Ngày 18/3/2020, bà V đã ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 08 với giá 1.500.000.000đồng/hecta. Nhưng sau khi nhận hết tiền bán đất thì bà V chỉ đưa cho bà G số tiền 20.000.000đồng và bà G đã từ chối không nhận số tiền đó vì không hiểu số tiền đó là số tiền bà V đưa cho bà G nhằm mục đích gì mà lại không trả cho bà G số tiền 450.000.000đồng tương ứng với phần diện tích 3.000m<sup>2</sup> của bà G trong tổng diện tích đất năm 25.689,6m<sup>2</sup> nói trên.

Việc bà V chiếm đoạt số tiền 450.000.000đồng, tương ứng với phần tài sản của bà G chung với tài sản của vợ chồng bà V đã thỏa thuận đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của bà G. Do vậy, bà G khởi kiện bà Trịnh Thị V, yêu cầu Tòa án buộc bà V phải trả cho bà G số tiền 450.000.000đồng.

***Bị đơn bà Trịnh Thị V trình bày:***

Bà Trịnh Thị V và chồng là ông Lê Văn B1 được ông Mã N và bà Lê Thị H (cha, mẹ ông B1) cho đất để canh tác, khi đó bà V và ông B1 chỉ áng chừng diện tích khoảng 20.000m<sup>2</sup>. Đến năm 2000, vợ chồng bà V, ông B1 đi đăng ký quyền sử dụng đất thì được nhà nước đo (bằng thước dây) và cấp GCNQSDĐ diện tích 23.081m<sup>2</sup>, đến năm 2009 thì nhà nước đo chính quy và cấp GCNQSDĐ diện tích 25.689,6m<sup>2</sup>. Việc tăng, giảm diện tích là do đo đạc nhà nước chứ vợ chồng bà V, ông B1 sử dụng ổn định, không thay đổi hiện trạng từ năm 2000 đến nay và không có ai khiếu nại hay tranh chấp. Do đó, thửa đất 25.689,6m<sup>2</sup> thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V ngày 22/6/2009 (gọi tắt là thửa đất số 08) thuộc quyền sử dụng của bà V và ông B1. Bà

V không có hứa hẹn về việc tặng cho bà Mã Thị G số tiền 450.000.000đồng như bà G khai. Do vậy, bà V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà G. Ngoài ra, bà V hiện đang bị nhiều bệnh nặng, sức khỏe yếu nên yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết.

***Những người làm chứng ông Mã Kim B, ông Mã Hà Q và bà Mã Thị M trình bày:***

Chúng tôi là em ruột của bà Mã Thị G. Ngày trước, cha mẹ chúng tôi có chia đất cho các con, cụ thể là mỗi người 01 hecta (05 anh em trai), phần còn lại mới chia cho 02 người con gái là Mã Thị G và Mã Thị M. Việc phân chia (cho đất các con) là hoàn toàn nói miệng. Việc bà V hứa cho bà G 450.000.000đồng thì chỉ nghe nói qua điện thoại, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ông B2, ông Q và bà M cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà G có quyền sử dụng 3.000m<sup>2</sup> đất trong phần diện tích đất 25.689,6m<sup>2</sup> thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V ngày 22/6/2009.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mã Thị G cung cấp tờ giấy (loại tập học sinh) ghi “Tờ di chúc” đề ngày 20/10/1998:*

- Bà Mã Thị M khai: Vào ngày 20/10/1998, do bà Lê Thị H (mẹ bà M) không biết chữ, không thể tự ghi được nên bà M ghi thay cho bà H “Tờ di chúc” này, phần tên “Lê Thị H” do bà M ghi, bà H chỉ “đánh dấu cộng” và không điểm chỉ vào phần ký tên; bà H ký vào “Tờ di chúc” trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt; tại thời điểm ghi tờ di chúc này chỉ có một mình bà M, không có ai khác ở đó;

- Bà Mã Thị G cho rằng: Đây là di chúc của bà Lê Thị H được ghi vào năm 1998, bà H có di chúc về việc cho bà G “3 sào” đất, do đó đề nghị Tòa án xác định bà có quyền sử dụng đất 3.000m<sup>2</sup> trong thửa đất số 08 và buộc bà V trả cho bà 450.000.000đồng từ tiền bản 3.000m<sup>2</sup> đất này.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Thanh X trình bày:* Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh nguồn gốc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, có diện tích 25.689,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V (gọi tắt: thửa đất số 08) để xem xét việc bà G được bà Lê Thị H phân chia quyền sử dụng 3.000m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích 25.689,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V ngày 22/6/2009.

- Người làm chứng ông Mã Hà Q khai: Ông là người gọi điện thoại cho bà Trịnh Thị V và nghe bà V hứa sẽ cho tiền bà G sau khi chuyển nhượng đất, cụ thể cho bao nhiêu thì ông không nhớ, ông không nhớ cụ thể gọi vào thời gian nào và cũng không ghi âm cuộc gọi.

- Người làm chứng ông Mã Kim B khai: Ông B có được nghe cuộc điện thoại giữa ông Q và bà V, do là người thân trong gia đình nên ông tin tưởng bà V sẽ cho

bà G một số tiền, ông không ghi âm hay có chứng cứ gì khác. Ông B cho rằng, ông cũng được cha mẹ (ông Mã N và bà Lê Thị H) năm 1997 chia cho khoảng 1 hecta đất, ông đã bán lại 01 hecta đất này cho vợ chồng ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V, sau đó ông B1 và bà V mới đi đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 2000 (do đất lúc gia đình phân chia chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được đo đạc nên không biết cụ thể tổng diện tích trước khi chia là bao nhiêu, ai được chia bao nhiêu thì tự đi đăng ký quyền sử dụng đất).

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

*“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị G về việc buộc bà Trịnh Thị V trả cho bà Mã Thị G số tiền 450.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)...”*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/01/2021, nguyên đơn bà Mã Thị G kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc bà Trịnh Thị V phải trả lại cho bà G số tiền 450.000.000đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Mã Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS tuyên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Mã Thị G được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà G là em ông Lê Văn B1 còn bà V là chị dâu, trước khi cha mẹ chết có cho bà G và ông B1 diện tích đất 25.689,6m<sup>2</sup>, trong đó bà G được cho 3.000m<sup>2</sup>, phần

còn lại của ông B1. Toàn bộ thửa đất trên do ông B1 và bà V quản lý sử dụng. Năm 2000, ông Lê Văn B1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất, đến năm 2009 được cấp đổi lại GCNQSD đất và được đánh số thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước do ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V đứng tên. Tháng 01/2019 ông B1 chết. Bà V có thỏa thuận với bà G là sẽ chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên và sẽ chia cho bà G số tiền 450.000.000đồng, bà G đồng ý. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng đất bà V không trả cho bà G số tiền như thỏa thuận nên bà G khởi kiện đòi bà V trả số tiền 450.000.000đồng. Trong khi đó, bà V không thừa nhận diện tích đất trên có phần của bà G và không hứa hẹn sau khi chuyển nhượng đất sẽ cho bà G số tiền 450.000.000đồng như bà G khai.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Mã Thị G nhận thấy:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị G yêu cầu bà Trịnh Thị V trả số tiền 450.000.000đồng mà bà V đã hứa sẽ trả lại cho bà G sau khi chuyển nhượng diện tích đất 25.689,6m<sup>2</sup> tương ứng với phần diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> là phần diện tích đất của bà G được cha mẹ chia cho. Tuy nhiên, bà G không có chứng cứ nào chứng minh bà có quyền sử dụng đối với diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> như lời trình bày của bà. Các em ruột của bà G là ông Mã Kim B2 và ông Mã Hà Q cũng không ai biết có việc bà G được chia phần đất có diện tích 3.000m<sup>2</sup> này và cũng không có chứng cứ chứng minh việc bà V hứa sau khi chuyển nhượng đất sẽ chia cho bà G 450.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G có cung cấp tờ giấy ghi “*Tờ di chúc*” đề ngày 20/10/1998 (BL 95-96) và cho rằng đây là di chúc của bà Lê Thị H để lại để chứng minh việc bà G được cho phần diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất chung với ông B2.

Xét thấy:

Theo bà Mã Thị G và bà Mã Thị M (chị bà G) đều xác định: Bà H không biết viết chữ và ký tên, bà M là người viết hộ bà H, bà M cũng là người được nhận di sản (theo nội dung trong tờ di chúc), tờ di chúc không có người làm chứng ký tên là vi phạm quy định về hình thức của di chúc quy định tại khoản 1 Điều 657, Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Nội dung tờ di chúc không rõ ràng, không xác định được cụ thể di sản để lại, nơi có di sản và mâu thuẫn về mặt thời gian chia tài sản chung của hộ gia đình. Vì vậy, tờ giấy ghi “*Tờ di chúc*” đề ngày 20/10/1998 do bà G cung cấp không phải là di chúc hợp pháp và không có giá trị chứng minh cho yêu cầu của bà.

Theo tài liệu sao lục hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với thửa đất trên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Phước thì ông Lê Văn B1 đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân huyện B (cũ) cấp GCNQSD đất số R048590 vào sổ cấp giấy 01878/QSDĐ/2080/QĐ-UBH ngày 12/10/2000 cho hộ ông Lê Văn B1 với diện tích 23.081m<sup>2</sup>. Đến năm 2009, phần đất của ông Lê Văn B1 được Ủy ban nhân dân huyện C chỉnh lý hình thể, diện tích thửa đất theo kết quả đo đạc bản đồ địa

chính chính quy xã M năm 2009 và cấp đổi GCNQSD đất số AN 995717 ngày 22/6/2009 đứng tên hộ ông Lê Văn B1 và bà Trịnh Thị V.

Vì vậy, không có căn cứ để xác định bà V hứa sẽ cho bà G số tiền 450.000.000đồng trong số tiền chuyển nhượng diện tích đất đất 25.689,6m<sup>2</sup>.

Từ các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị G đòi bà V phải trả số tiền 450.000.000đồng là đúng quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà G có đơn kháng cáo và nộp bản sao “*Tờ di chúc*” đề ngày 09/12/2003 (BL104-105) có nội dung bà Lê Thị H lập Tờ di chúc cho bà Mã Thị G diện tích đất 24.313m<sup>2</sup> tại tổ 2, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà G không cung cấp cho Tòa án để xem xét giải quyết. Tòa án cấp phúc thẩm có triệu tập bà G để tiến hành làm việc nhưng bà G không có mặt, đồng thời làm đơn xin xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm và vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện ban đầu là đòi bà V số tiền 450.000.000đồng. Xét thấy việc bà G cung cấp thêm “*Tờ di chúc*” đề ngày 09/12/2003 có sau khi xét xử sơ thẩm và là quan hệ pháp luật khác và không xem xét giải quyết trong vụ án đòi tài sản này. Bà G có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật để yêu cầu giải quyết về chia di sản thừa kế theo di chúc.

Từ các nhận định trên, xét không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mã Thị G, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mã Thị G phải chịu.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Mã Thị G là người cao tuổi (62 tuổi) nên bà G được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 04/01/2021 của TAND huyện C, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 96, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 654; Điều 655; Điều 656 và Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị G về việc buộc bà Trịnh Thị V trả cho bà Mã Thị G số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bà G có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế theo di chúc đề ngày 09/12/2003 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mã Thị G không phải chịu.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./***

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hòa**